

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-6-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Tố Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Bà Trần Ngọc Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐ-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Huy Q, sinh năm 1975, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1973, vắng mặt.

Cùng địa chỉ thường trú: Khu phố H1, phường H2, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2022 và bản tự khai ngày 22/4/2022, nguyên đơn ông Lê Huy Q trình bày:

Ông Q và bà Đoàn Thị H tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Q2, tỉnh Q3 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 02/5/2003.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi nhau, cuộc sống hôn nhân ngột ngạt. Do mâu thuẫn trầm trọng, ông Q không chịu đựng được mâu thuẫn nên

đã sống ly thân với bà H từ năm 2021 cho đến nay. Hiện tại, giữa ông Q và bà H không ai còn quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không còn, việc kéo dài cuộc hôn nhân chỉ làm mâu thuẫn thêm trầm trọng nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Q ly hôn với bà Đoàn Thị H.

- Về con chung: Quá trình sống chung, bà H và ông Q có 02 người con tên Lê Tuyết A1, sinh ngày 26/8/2004 và Lê Đoàn A, sinh ngày 10/5/2010. Sau khi ly hôn, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho bà Đoàn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/1 con/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản chứng thực Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh và các tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ vụ án.*

Bị đơn bà Đoàn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn không đến làm việc cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn ông Lê Huy Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn bà Đoàn Thị H cũng như yêu cầu về con chung, cấp dưỡng nuôi con; ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lê Huy Q và bà Đoàn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Q2, tỉnh Q3 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 02/5/2003. Nay ông Lê Huy Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đoàn Thị H. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” theo Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Đoàn Thị H có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ Khu phố H1, phường H2, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại Điểm

a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đoàn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Huy Q và bà Đoàn Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Huy Q cho rằng từ năm 2020, ông Q và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về suy nghĩ và quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2021 thì ông Q và bà H sống ly thân, từ đó đến nay hai bên không còn quan hệ tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bên cạnh đó, từ khi ông Q nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Thuận An cho đến nay, bà H có biết việc ông Q muốn ly hôn nhưng không có động thái gì nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bà H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai, hòa giải, tham gia phiên tòa để nhằm mục đích đoàn tụ nhưng vẫn không đến Tòa, thể hiện ý chí bà H không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu được ly hôn với bà H.

[2.3] Về con chung: Ông Q có yêu cầu Tòa án giải quyết cho giao 02 người con chung tên Lê Tuyết A1, sinh ngày 26/8/2004 và Lê Đoàn A, sinh ngày 10/5/2010 cho bà Đoàn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông Q khai: Từ trước tới nay ông Q chủ yếu lo kinh tế gia đình, còn việc chăm sóc con cái chủ yếu do bà H thực hiện. Sau khi hai vợ chồng sống ly thân, các con cũng sống cùng bà H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2022, các cháu Lê Tuyết A1 và Lê Đoàn A đều xác nhận từ trước đến nay việc chăm sóc các cháu hàng ngày và đưa đón đi học đều do bà H thực hiện, ông Q chủ yếu đi làm đưa tiền về cho bà H lo cho con cái. Cũng tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2022, các cháu Lê Tuyết A1 và Lê Đoàn A đề có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi ông Q và bà H ly hôn. Xét, từ nhỏ đến hiện tại, các cháu Lê Tuyết A1 và Lê Đoàn A sống ổn định cùng bà H, bà H là người có đủ năng lực hành vi, làm công việc tự do nên có nhiều thời gian để chăm sóc, gần gũi với các con. Do đó việc tiếp tục giao các con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về mặt tinh thần của con chung cũng như đảm bảo cho nguyện vọng của con chung trong việc mong muốn được sống chung với bà H.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/1 con/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là ý chí tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Huy Q đối với bị đơn bà Đoàn Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Huy Q được ly hôn với bà Đoàn Thị H.

- Về con chung: Giao con chung Lê Tuyết A1, sinh ngày 26/8/2004 và Lê Đoàn A, sinh ngày 10/5/2010 cho bà Đoàn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Huy Q về việc: Ông Lê Huy Q cấp dưỡng nuôi con chung Lê Tuyết A1, sinh ngày 26/8/2004 và Lê Đoàn A, sinh ngày 10/5/2010 số tiền 3.000.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2022.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc

cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Huy Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0002197 ngày 31/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ông Lê Huy Q còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Thuận An;
- Chi cục THADS TP. Thuận An;
- Phòng Tư pháp tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tố Uyên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

